TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2023/HS-ST
Ngày 21 -12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị L

Ông Trần Đình Điệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ L số 171/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn K, sinh năm 1991, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh B, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Dương Thị C; có vợ là Nguyễn Thị L (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2013; tiền án: Bản án số 57/2022/HS-ST ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xử phạt Nguyễn Văn K 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án số 08/2016/HS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền xử phạt Nguyễn Văn K 36 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22 tháng 7 năm 2023; có mặt.

2. Đỗ Thế C, sinh năm 1995, tại Hải Phòng; nơi cư trú: huyện Vĩnh B, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn K và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Phạm Thị Thùy Dg; có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22 tháng 7 năm 2023; có mặt.

- Bị hại: Cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2013; nơi cư trú:

Thôn 5, xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Trần Thị L, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn 5, xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị Hải, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số 2, Chùa Hàng, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Cù Thúy Minh - Trợ giúp viên pháp L của Trung tâm Trợ giúp pháp L Nhà nước, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền ăn tiêu nên Nguyễn Văn K rủ Đỗ Thế C sang huyện Thủy Nguyên xem có ai sơ hở thì chiếm đoạt tài sản, C đồng ý. Khoảng 13 giờ ngày 21 tháng 7 năm 2023, K điều khiển xe moto biển kiểm soát 15K1-444.19 chở C đến khu vực thôn 5, xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên. Tại đây, C và K thấy một cháu nhỏ (sau này mới biết tên cháu là Nguyễn Gia B) đang ngồi chơi một mình trước cửa hàng tạp hóa và đang cầm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO nên cả hai đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại. Quan sát xung quanh không có người, K điều khiển xe moto đỗ trước cửa quán tạp hóa, C đi đến chỗ cháu B ngồi và giả vờ hỏi mượn điện thoại của cháu B để gọi nhờ, tin lời C, cháu B đưa điện thoại cho C. Sau khi cầm điện thoại do cháu B đưa cho, C tiếp tục nói dối với cháu B "vào nhà lấy cho chú xin cốc nước" nhằm mục đích khi cháu B đi vào nhà thì C sẽ cầm điện thoại rời đi, tuy nhiên cháu B không đồng ý. Thấy vậy, C cầm điện thoại của cháu B rồi nhanh chóng chạy ra ngồi lên xe moto K đang chờ rồi cả hai tẩu thoát. Trên đường đi, C đã tháo và vứt sim, ốp của điện thoại đi. Sau đó, K điều khiển xe moto chở C đến quán cầm đồ C Định ở số 2, Chùa Hàng, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng do chị Lê Thị Hải làm chủ. Tại đây C đã nói dối chiếc điện thoại là của mình không còn nhu cầu sử dụng nên muốn bán, chị Hải đã đồng ý mua với giá 800.000 đồng. Số tiền trên K và C đã ăn tiêu hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 50/HĐĐGTS ngày 27/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thủy Nguyên kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15, 01 ốp điện thoại, 01 sim số 0839494734 có tổng trị giá 900.000 đồng.

Đối với 01 sim và 01 ốp điện thoại trên, C đã vứt trên đường mang đi bán nhưng không nhớ được vị trí cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định truy tìm nhưng không thu giữ được.

Người bị hại là cháu Nguyễn Gia B và người đại diện hợp pháp là chị Trần Thị L có lời khai phù hợp với nội dung trên. Sau khi bị chiếm đoạt tài sản, cháu B khóc và chạy vào kể lại sự việc với chị L, chị L chạy ra nhưng hai đối tượng đã tẩu thoát, chị làm đơn trình báo cơ quan C an. Khi bị chiếm đoạt tài sản, cháu B không

bị các đối tượng đe dọa, cưỡng ép hay dùng vũ lực gì. Hiện chị Trần Thị L đã được cơ quan C an trả lại tài sản, chị không còn yêu cầu gì khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho hai bị cáo C và K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Hải có lời khai phù hợp với nội dung trên: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 21/7/2023, chị đang bán hàng tại cửa hàng nhà chị ở quán cầm đồ C Định, số 2 Chùa Hàng, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, Hải Phòng thì có hai nam giới (sau này mới biết là C và K) đến cửa hàng nói đang cần tiền nên bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, chị Hải không biết chiếc điện thoại di động do C và K chiếm đoạt được mà có nên đã đồng ý mua với giá 800.000 đồng. Sau khi biết được điện thoại trên do phạm tội mà có, chị Hải đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan C an. Chị đã được gia đình C và K trả lại 800.000 đồng nên chị không còn yêu cầu gì khác.

Vật chứng: 01 chiếc xe moto biển kiểm soát 15K1-444.19 hiện đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên quản L. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, sau khi tiến hành các hoạt động điều tra, cơ quan C an đã trả lại cho chị Trần Thị L.

Tại Bản cáo trạng số 190/CT-VKS ngày 30 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn K, Đỗ Thế C về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo Nguyễn Văn K và Đỗ Thế C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Đồng ý với nội dung truy tố của bản cáo trạng, các bị cáo đã lợi dụng thời gian vào buổi trưa vắng người qua lại, lợi dụng cháu B còn ít tuổi, chưa có K năng tự B vệ để chiếm đoạt tài sản của cháu B. K là người khởi sướng và cũng là người thực hành, K có nhân thân xấu, đã bị 02 lần đưa ra xét xử về tội xâm phạm quyền sở hữu nhưng bản thân K không ăn ăn hối cải mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của không hình phạt mới tưng xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo C tiếp nhận ý chí của bị cáo K nhưng là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tại phiên tòa trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn K, Đỗ Thế C phạm tội "Cướp giật tài sản"

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 05 đến 06 năm tù giam. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 và khoản 2

Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Thế C từ 04 đến 05 năm tù giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về dân sự: Đã được giải quyết xong, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết. Về vật chứng: Ap dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị HĐXX trả lại 01 xe moto nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 15K1 – 444.19 cho bị cáo Đỗ Thế C và chị Dương (vợ của bị cáo C). Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện, mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định trong quá trình tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, của người được giao thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với vụ án trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, định khung hình phạt: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với Kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 13 giờ ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại khu vực thôn 5, xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, các bị cáo Nguyễn Văn K và Đỗ Thế C đã có hành vi cướp giật 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, trị giá 900.000 đồng của cháu Nguyễn Gia B sinh năm 2013, cư trú tại thôn 5, xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản", bị hại là người dưới 16 tuổi nên các bị cáo phải bị truy tố theo tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là *"Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi....."* . Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn K, Đỗ Thế C là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội. Đặc biệt, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội đối với bị hại là trẻ em, thuộc đối tượng chưa có K năng tự B vệ và phòng bị. Bị cáo Đỗ Thế C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo

Nguyễn Văn K có 01 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý. Do đó, hành vi phạm tội lần này của bị cáo K thuộc trường hợp "Tái phạm" và bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tại cơ quan điều tra bị cáo K thành khẩn khai báo, nhưng tại phiên tòa bị cáo chưa thành khẩn khai báo nên bị cáo K không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ "người phạm tội thành khẩn khai cáo"; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; gia đình các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, nên các bị cáo Nguyễn Văn K, Đỗ Thế C được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về phân hóa vai trò và mức hình phạt: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, nên cần phải xem xét đánh giá tính chất và mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo để làm căn cứ cho việc quyết định hình phạt. Bị cáo Nguyễn Văn K và bị cáo Đỗ Thế C đã cùng nhau bàn bạc, thống nhất thực hiện hành vi phạm tội, trong đó bị cáo K là người đề xuất, khởi xướng hành vi phạm tội, bị cáo C là người thực hành tích cực, trực tiếp chiếm đoạt tài sản của bị hại nên trong vụ án này bị cáo C và K được đánh giá có vai trò ngang nhau. Bị cáo Đỗ Thế C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn K có nhân thân xấu, có 01 tiền án chưa được xóa án tích và là người khởi xướng hành vi phạm tội. Mặt khác bị cáo Nguyễn Văn K vừa chấp hành xong hình phạt tù về tội trộm cắp tài sản vào ngày 16/5/2023, đến ngày 21/7/2023 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi cướp giật tài sản, cho thấy bị cáo không có ý thức cải tạo và ăn năn hối cải. Do đó, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo K cao hơn mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo C. Với những phân tích như trên, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét các bị cáo Nguyễn Văn K, Đỗ Thế C đều không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng: 01 xe moto nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 15K1 – 444.19 là tài sản chung của bị cáo C và chị Dương. Chị Dương không biết xe bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo và chị Dương.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong tại giai đoạn điều tra, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về các vấn đề khác: Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố vụ án hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự.

[9] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn K, Đỗ Thế C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của bị hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 171; khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội "Cướp giật tài sản". Xử phạt Nguyễn Văn K 05 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 22 tháng 7 năm 2023.

2. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Đỗ Thế C phạm tội "Cướp giật tài sản". Xử phạt Đỗ Thế C 03 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 22 tháng 7 năm 2023.

3. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Đỗ Thế C và chị Phạm Thị Thùy Dương 01 xe moto nhãn hiệu Yamaha mang biển kiểm soát 15K1- 444.19 (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, buộc các bị cáo Nguyễn Văn K, Đỗ Thế C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của bị hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- CQCSĐT C an huyện Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Mai

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- CQCSĐT C an huyện Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:</u>

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền C tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ

án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ C khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử L đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử L hành chính hoặc bị xử L kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử L kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử L kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi C tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân C tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người B vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người B vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi C tác của người B vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan C tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam C an TP Hải Phòng;
- CQCSĐT C an huyện Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)